TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
Số: 60/2026/QĐST-HNGĐ	

TH, ngày 23 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2026/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Tuấn A. Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Thôn VH, xã TN, tỉnh TH.

Số căn cước công dân: 038088036668.

Bị đơn: Chị Lê Thị H. Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn VH, xã TN, tỉnh TH.

Số căn cước công dân: 038190008069.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Bùi Tuấn A và chị Lê Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* anh Bùi Tuấn A và chị Lê Thị H thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Bảo V, giới tính: Nữ, sinh ngày 01/01/2009 và cháu Bùi Ngọc T, giới tính: Nam, sinh ngày: 27/09/2013. Anh Tuấn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Ngọc T đến khi thành niên, chị H trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Bảo V đến khi thành niên. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Tuấn A, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

- *Về tài sản và nghĩa vụ chung:* anh Bùi Tuấn A và chị Lê Thị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: anh Bùi Tuấn A và chị Lê Thị H thống nhất thỏa thuận Anh Tuấn A chịu toàn bộ tiền án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng. Anh Tuấn A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí. Vì vậy, Anh Tuấn A được nhận lại 150.000 đồng tại cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh TH theo biên lai thu tiền số: 0001879 ngày 13 tháng 3 năm 2026. Chị H không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh TH;
- THADS tỉnh TH;
- VKSND khu vực 10 – TH;
- UBND xã TN, tỉnh TH;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Lê Xuân Vinh